

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 744/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thư L, sinh năm 1987; thường trú: Ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đ; tạm trú: Số 126, đường 3, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1985; thường trú: Số 45/6A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thư L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh T tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/KH/2014, quyền số 01 ngày 23/4/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh B.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống tại số 45/6A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn từ lúc mới kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính tình không hợp, anh

T làm nghề tài xế thường xuyên di chuyển nhiều nơi và có người phụ nữ khác nên từ năm 2016 chị L dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống ; anh T ít qua lại nên vợ chồng không chung sống cùng nhau mà ly thân cho đến nay . Vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau nên mất dần tình cảm . Nay chị L yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoàng L , sinh ngày 06/7/2014. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con , không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Minh Thắng : Quá trình tố tụng , bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Thắng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/8/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 25/10/2018 và 13/11/2018 nhưng anh Lê Minh T vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh T cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Ngày 06/8/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa anh Lê Minh T và chị Hoàng Thu L tại UBND phường T và được cung cấp: Thời gian vợ chồng chị L, anh T sinh sống tại địa phương , chính quyền không nhận được yêu cầu giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm đã bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Hoàng Thu L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Bị đơn anh Lê Minh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Hoàng Thu L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58/KH/2014, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh B vào ngày 23/4/2014 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị L trình bày, vợ chồng chung sống với nhau nhưng anh T làm nghề tài xế thường xuyên di chuyển nhiều nơi , có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến vợ con dẫn tới vợ chồng không còn yêu thương nhau . Chị L xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Tòa án đã triệu tập anh T có mặt tại Tòa án để trình bày ý

kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Hoàng L, sinh ngày 06/7/2014. Căn cứ vào lời khai của chị L từ khi chị sinh con đã dọn về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh T ít khi qua lại chăm sóc con chung. Tòa án triệu tập anh T tham gia phiên tòa để anh T trình bày ý kiến về con chung nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “2. *Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”. Xét cháu L hiện đang còn nhỏ và đang ở với mẹ, do đó nên giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thư L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 144, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thư L được ly hôn với anh Lê Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 58/KH/2014, quyển số 01 ngày 23/4/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã D, tỉnh B cấp).

2. Về con chung: Anh Lê Minh T giao con chung Lê Hoàng L, sinh ngày 06/7/2014 cho chị Hoàng Thư L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thư L không yêu cầu anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thư L phải tạo điều kiện cho anh Lê Minh T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không được quyền cản trở anh Lê Minh T

thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị Hoàng Thư L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019766 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND phường T, thị xã D, tỉnh B (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh